

TÁC ĐỘNG CỦA SỰ GIA TĂNG HỢP TÁC ASEAN-TRUNG QUỐC ĐẾN QUAN HỆ VIỆT-TRUNG (thời kỳ hậu chiến tranh lạnh)

TRẦN KHÁNH*

Khác với các mối quan hệ song phương khác, bang giao giữa Việt Nam và Trung Quốc luôn mang tính đặc thù, không chỉ chi phối bởi lợi ích quốc gia-dân tộc, yếu tố lịch sử, địa-văn hoá mà quan trọng không kém bị tác động sâu sắc bởi yếu tố địa-chính trị và bối cảnh quốc tế khu vực, trong đó có quan hệ ASEAN-Trung Quốc. Cùng với vị thế quan trọng của Việt Nam và sự trỗi dậy của Trung Quốc, sự phát triển nhanh chóng quan hệ Trung Quốc-ASEAN trong những năm gần đây, đặc biệt là sự hình thành Khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN (CAFTA) đã và đang tác động lớn đến xu hướng phát triển, bang giao quốc tế trong vùng, trong đó có quan hệ Việt-Trung. Trên đây là vấn đề rất lớn, đòi hỏi nghiên cứu có hệ thống. Bài viết

này chủ yếu xem xét một cách khái quát sự tiến triển quan hệ Việt-Trung dưới tác động của CAFTA, từ đó đưa ra một vài nhận xét hệ quả và tương lai của mối quan hệ này.

1. Khái quát về sự tiến triển của Hợp tác ASEAN-Trung Quốc và sự hình thành Khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN

Mặc dầu quan hệ ASEAN-Trung Quốc từng bước được cải thiện từ cuối thời chiến tranh lạnh⁽¹⁾, nhưng chỉ từ thập niên 90 trở đi mới được bình thường hoá hoàn toàn và đi vào phát triển tương đối thực chất. Hai nước cuối cùng của ASEAN là Indônêxia và Xingapo bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vào tháng 8-1990. Năm 1991, Trung Quốc lần đầu tiên được mời

* TSKH. Trần Khánh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

tham dự Hội nghị Bộ Trưởng ngoại giao ASEAN. Tiếp đó năm 1992, ASEAN tiếp nhận Trung Quốc là nước tham vấn của ASEAN; và đến tháng 7-1996 thì Trung Quốc trở thành nước thành viên có quan hệ đối thoại đầy đủ với tổ chức này. Tuy là cả ASEAN và Trung Quốc đều có ý thức xích lại gần nhau và thúc đẩy nhanh hơn quan hệ kinh tế, nhưng sự kiện Thiên An Môn năm 1989 và những căng thẳng liên tiếp diễn ra liên quan đến việc tranh chấp chủ quyền và khai thác dầu lửa ở Biển Đông trong những năm 1992, 1994, 1996 làm cho nhiều nước ASEAN lo ngại, trở nên dè dặt với Trung Quốc⁽²⁾.

Từ sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á 1997-1998, đặc biệt là từ những năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ ASEAN-Trung Quốc có những bước phát triển về chất, làm thay đổi đáng kể môi trường đầu tư và quan hệ quốc tế trong vùng. Ngay trong khi các nước ASEAN đang phải vật lộn với khủng hoảng tài chính, Trung Quốc đã tỏ thái độ thân thiện, không chỉ cho các nước này vay tiền, mà còn hưởng ứng tích cực các sáng kiến chống khủng hoảng như đề xuất lập Quỹ tiền tệ châu Á, tham gia hoán đổi và dự trữ ngoại tệ bằng đồng tiền châu Á giữa các nước trong vùng v.v.⁽³⁾

Bước vào thập niên đầu thế kỷ XXI, với chính sách "Hoà thuận với láng giềng, an ninh với láng giềng, làm giàu với láng giềng", Trung Quốc đã và đang tỏ ra là một đối tác đáng tin cậy và hiệu quả của ASEAN. Điều này cho phép các bên liên quan chủ động hơn mở rộng

hợp tác, làm đi đi những tác động tiêu cực từ mọi phía.

Về thực tiễn hợp tác, trước hết trong lĩnh vực chính trị-an ninh, Trung Quốc hướng ứng và tham gia tích cực Diễn đàn ARF (1994), ký Hiệp ước về khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ) vào năm 1996, Tuyên bố về Quy tắc ứng xử biển Đông, Tuyên bố về chống tội phạm xuyên quốc gia và chống khủng bố quốc tế (2002); và gần đây nhất (10-2003) ký Hiệp ước TAC. Có thể nói, Trung Quốc chủ động và tự nguyện tham gia các cơ chế hợp tác mới trên không chỉ góp phần hình thành và phát triển cơ chế đối thoại đa phương và an ninh tập thể chống lại áp đặt của chính trị cường quyền, mà còn tạo cho các nước tham gia, đặc biệt là Trung Quốc và các nước ASEAN một sân chơi rất quan trọng trong chiến lược "kết hợp giữa song phương và đa phương" trong quan hệ quốc tế mà các nước đó đang theo đuổi.

Về hợp tác thương mại, đầu tư: Những chuyển dịch mang tính đột phá về cơ chế cũng như sự gia tăng ý chí hội nhập giữa ASEAN và Trung Quốc đã thúc đẩy nhanh chóng các quan hệ kinh tế song phương, nhất là thương mại. Nếu như kim ngạch xuất nhập khẩu ASEAN-Trung Quốc năm 1978 mới chỉ đạt con số khiêm tốn là 0,86 tỷ USD, thì đến năm 1991 tăng lên 8,3 tỷ, năm 1996 tăng tới 15,85 tỷ, và tăng vọt lên 54,77 tỷ vào năm 2002 và đạt mức 78 tỷ năm 2003 và năm 2004 có thể vượt tới con số trên 100 tỷ USD. Bình quân hàng năm

trong hơn một thập niên qua, thương mại hai chiều tăng khoảng 15%. Từ vị trí thứ 6, Trung Quốc trở thành bạn hàng lớn thứ 4 của ASEAN (sau Mỹ, Nhật Bản và EU), chiếm khoảng 10% kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước. Về hợp tác đầu tư, tuy diễn ra cuộc cạnh tranh mạnh mẽ vì nguồn FDI, nhưng vốn đầu tư hai chiều giữa ASEAN và Trung Quốc không ngừng tăng lên. Vốn của 5 nước thành viên ASEAN ban đầu đưa vào Trung Quốc tăng từ 2,4% năm 1992 lên 9,2% năm 1998 và giảm xuống còn khoảng trên dưới 7% những năm 2001-2002. Về số lượng, tính đến 2001 vốn cam kết của ASEAN đầu tư vào Trung Quốc với con số là 53,468 tỷ USD, trong đó vốn đã thực hiện hơn một nửa. Còn đầu tư của Trung Quốc vào ASEAN có chiều hướng tăng nhanh trong những năm gần đây, đặc biệt là đến 4 nước thành viên ASEAN mới, trong đó có Việt Nam⁽⁴⁾ (sẽ được làm rõ hơn ở phần tiếp theo).

Về sự hình thành Khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN (CAFTA); Trước khi Trung Quốc chưa trở thành đối tác đầy đủ của ASEAN (trước 1996), hai thực thể này đã lập nên Ủy ban liên hợp về kinh tế-thương mại và khoa học, kỹ thuật vào năm 1994. Đến năm 1997 đổi thành Ủy ban hợp tác liên hợp; Và đến 2001 lập nên Hội đồng buôn bán Trung Quốc-ASEAN với chức năng thúc đẩy thương mại, đầu tư giữa hai bên. Tại Hội nghị Cấp cao không chính thức tổ chức tại Kuala-Lumpur tháng 12-1997, Trung Quốc và ASEAN thông qua văn kiện "Quan hệ láng giềng, thân thiện,

hướng tới thế kỷ XXI". Tuy chưa nói một cách rõ ràng, nhưng văn kiện này đã đề cập đến sự cần thiết thiết lập và tăng cường hợp tác toàn diện giữa Trung Quốc và ASEAN trong bối cảnh quốc tế mới. Tiếp đến, tại Hội nghị Cấp cao ASEAN nhóm họp tại Xingapo tháng 11-2000, Trung Quốc chủ động đưa ra đề xuất thành lập CAFTA. Sau khoảng một năm xem xét, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 7 họp tại Brunây đã đi đến quyết định, mở đường cho việc thông qua "Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Trung Quốc", trong đó có việc thành lập CAFTA vào năm 2010 ký tại Phnômpenh hồi tháng 11-2002. Theo cam kết, từ 1-1-2005 Khu vực mậu dịch tự do này sẽ chính thức khởi động. Thế nhưng trên thực tế phía Trung Quốc đã mở cửa thị trường nông sản của mình từ 1-1-2004 cho các nước ASEAN theo Chương trình thu hoạch sớm⁽⁵⁾.

Ngoài việc ký các thoả thuận cho việc chính thức khởi động CAFTA, Hội nghị Cấp cao lần thứ 7 ASEAN-Trung Quốc (tháng 10-2003) đã đi đến thoả thuận, kể từ 2004, Trung Quốc hàng năm sẽ tổ chức Hội chợ thương mại ASEAN-Trung Quốc tại thành phố Nam Ninh. Tiếp theo, tháng 10/2004, Ủy ban đàm phán mậu dịch ASEAN-Trung Quốc nhóm họp tại Bắc Kinh đã nhất trí thông qua Hiệp định về hàng hoá của CAFTA. Hiệp định này được phê chuẩn tại Hội nghị Cấp cao ASEAN 10 nhóm họp tại Viên Chăn cuối tháng 11-2004 vừa qua, theo đó 6 nước ASEAN ban đầu (gồm Xingapo, Thái Lan, Malaixia, Philippin, Indônêxia và Brunây) và Trung Quốc sẽ

có FTA vào 2010. Cũng tại Hội nghị ASEAN này, Trung Quốc và ASEAN còn thông qua "Bị vong lục về hợp tác giao thông", bao gồm đường bộ, đường sắt để thuận tiện cho hàng hoá và du khách lưu thông. Những dự án khai thác dòng sông Mê Công-Lan Thương, Hành lang lưu thông hàng hoá Côn Minh-Hà Nội-Hải Phòng, Hành lang lưu thông Nam Ninh-Hà Nội-Hải Phòng, Vòng kinh tế khép kín Vịnh Bắc Bộ gồm các tỉnh Đông Bắc Việt Nam, tỉnh Quảng Tây và đặc khu Hồng Công của Trung Quốc v.v. đã và đang được cả ASEAN và Trung Quốc hưởng ứng một cách tích cực⁽⁶⁾.

2. Tác động của sự gia tăng hợp tác ASEAN-Trung Quốc đến quan hệ Việt-Trung

Như đã đề cập ở trên, vào năm 1990, 3 nước cuối cùng của ASEAN 6 là Indônêxia, Xingapo và Brunây chính thức thiết lập hay bình thường hoá quan hệ ngoại giao chính thức với Trung Quốc. Tiếp đến, năm 1991, Trung Quốc lần đầu tiên được mời tham dự Hội nghị cấp Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN với tư cách là quan sát viên; Và cũng năm đó (1991), Trung Quốc đặt tên "năm ASEAN" đầu tiên trong chính sách đối ngoại của mình. Cùng với chuyển động mới trên, việc sụp đổ của khối Xô Viết tại Đông Âu sự dàn xếp hoà bình ở Campuchia (trong đó có việc Việt Nam rút quân hoàn toàn khỏi nước này) tác động lớn đến quan hệ Việt-Trung.

Trong bối cảnh quốc tế mới và nhu cầu đổi mới nền kinh tế theo hướng thị trường, hội nhập quốc tế, cả Việt Nam

và Trung Quốc thấy cần thiết phải nhanh chóng bình thường hoá quan hệ hữu nghị láng giềng. Bước ngoặt cho quá trình này là cuộc thăm chính thức Trung Quốc của Đảng và nhà nước Việt Nam tháng 11-1991, trong đó hai nước đã ký hàng loạt các thoả thuận và chương trình phục hồi quan hệ kinh tế-thương mại. Cụ thể trong chuyến thăm đó, hai nước đã ký "Hiệp định Tạm thời giải quyết những công việc biên giới Việt-Trung", trong đó có quy định về mậu dịch tiểu ngạch qua biên giới, về mở các cửa khẩu, quy định cấp visa và giấy thông hành. Tiếp đến năm 1992, hai nước ký 4 "Hiệp định hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật", đồng thời tái khởi động cung cấp tín dụng ưu đãi và viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam. Đến 1994, hai nước lập "Ủy ban Hợp Tác kinh tế-thương mại" v.v. Những dịch chuyển mới này diễn ra đồng thời với sự gia tăng quan hệ giữa Trung Quốc-ASEAN (xem phần ở trên). Theo thoả thuận, hàng năm, hai nước tiến hành trao đổi các cuộc thăm chính thức cấp cao, nhằm tăng cường quan hệ trên tất cả các lĩnh vực. Do quan hệ chính trị được cải thiện, thương mại đối lưu hai chiều Việt Nam-Trung Quốc tăng rất nhanh, từ con số 32 triệu USD năm 1991 lên 1150 triệu USD năm 1996. Ở giai đoạn này, tỷ lệ nhập siêu của Việt Nam là rất lớn, chiếm khoảng 3/4 tổng kim ngạch thương mại hai chiều, và chủ yếu qua con đường tiểu ngạch hay còn gọi là biên mậu.

Cần nhấn mạnh rằng, sự tác động của quan hệ ASEAN-Trung Quốc đến bang giao Việt-Trung đến giữa những năm 90 là chưa lớn lắm. Nhu cầu mở cửa, cải

cách kinh tế trong nước và cùng nhau chống lại nguy cơ "diễn biến hoà bình" là nguyên nhân chính làm cho quan hệ Việt-Trung được bình thường hoá khá nhanh ở nửa đầu thập niên 90⁽⁷⁾.

Kể từ khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN (1995) và Trung Quốc trở thành nước đối thoại đầy đủ của tổ chức này (1996), quan hệ giữa hai nước được phát triển thêm một bước mới. Từ giai đoạn này trở đi, Trung Quốc trở nên chủ động và linh hoạt trong việc mở rộng hợp tác với ASEAN, trong đó có Việt Nam. Về phía Việt Nam, với tư cách là thành viên của ASEAN, láng giềng gần gũi, cùng chia sẻ ý thức hệ với Trung Quốc, lại đang trên đà tăng trưởng kinh tế nhanh, càng có nhu cầu nhiều hơn trong phát triển quan hệ với quốc gia khổng lồ này. Sự trỗi dậy của Trung Quốc trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế cũng là một trong những nguyên nhân chính thúc đẩy quan hệ Việt-Trung phát triển. Điều này được thể hiện khá rõ nét qua việc hợp tác của Trung Quốc nhằm hạn chế tác động tiêu cực do khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á 1997-1998 vừa qua.

Trước những dịch chuyển lớn trong quan hệ Trung Quốc-ASEAN từ cuối những năm 90, đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI (như đề xuất và thoả thuận lập cơ chế ASEAN+1, ASEAN+3, CAFTA, ký Quy tắc ứng xử Biển Đông, TAC v.v.), quan hệ Việt Nam-Trung Quốc cũng được nâng lên tầm cao mới.

Trước hết về mặt chính trị-ngoại giao; sau chuyến thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc của Tổng Bí thư BCH TƯ

ĐCS Việt Nam Lê Khả Phiêu tháng 2/1999, đã đi đến nhất trí lấy phương châm 16 chữ vàng "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" làm cơ sở chỉ đạo cho quan hệ Việt-Trung trong giai đoạn mới. Với xu hướng này, vào tháng 12-1999, hai nước tiến hành ký "Hiệp định Biên giới trên đất liền"; Tiếp đến tháng 12-2000, nhân chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Chủ tịch Trần Đức Lương, hai nước ra Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện, cụ thể hoá phương châm 16 chữ vàng thành những phương hướng cụ thể. Đặc biệt, trong chuyến thăm này, đã ký 2 Hiệp định mang tính lịch sử là "Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền khu kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc bộ" và "Hiệp định hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc bộ". Đến tháng 12-2001, hai nước đã tiến hành lễ cắm cột mốc biên giới đầu tiên trên đất liền tại Móng Cái và Đông Hưng, chính thức bắt đầu công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới trên đất liền. Ngoài các cuộc viếng thăm cấp cao và những ký kết mang tính pháp lý trên, hai nước thường xuyên trao đổi đoàn các ngành, đoàn thể từ trung ương cho đến địa phương. Đặc biệt những năm gần đây, chính quyền, đoàn thể và nhân dân 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc và các tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam thường xuyên tổ chức các kỳ hội chợ, gặp gỡ giao lưu cùng nhau trao đổi, thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác.

Về hợp tác kinh tế-thương mại, khoa học và kỹ thuật; Từ đầu những năm 90, giữa Việt Nam và Trung Quốc đã ký

cách kinh tế trong nước và cùng nhau chống lại nguy cơ "diễn biến hoà bình" là nguyên nhân chính làm cho quan hệ Việt-Trung được bình thường hoá khá nhanh ở nửa đầu thập niên 90⁽⁷⁾.

Kể từ khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN (1995) và Trung Quốc trở thành nước đối thoại đầy đủ của tổ chức này (1996), quan hệ giữa hai nước được phát triển thêm một bước mới. Từ giai đoạn này trở đi, Trung Quốc trở nên chủ động và linh hoạt trong việc mở rộng hợp tác với ASEAN, trong đó có Việt Nam. Về phía Việt Nam, với tư cách là thành viên của ASEAN, láng giềng gần gũi, cùng chia sẻ ý thức hệ với Trung Quốc, lại đang trên đà tăng trưởng kinh tế nhanh, càng có nhu cầu nhiều hơn trong phát triển quan hệ với quốc gia khổng lồ này. Sự trỗi dậy của Trung Quốc trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế cũng là một trong những nguyên nhân chính thúc đẩy quan hệ Việt-Trung phát triển. Điều này được thể hiện khá rõ nét qua việc hợp tác của Trung Quốc nhằm hạn chế tác động tiêu cực do khủng hoảng tài chính-tiền tệ châu Á 1997-1998 vừa qua.

Trước những dịch chuyển lớn trong quan hệ Trung Quốc-ASEAN từ cuối những năm 90, đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI (như đề xuất và thoả thuận lập cơ chế ASEAN+1, ASEAN+3, CAFTA, ký Quy tắc ứng xử Biển Đông, TAC v.v.), quan hệ Việt Nam-Trung Quốc cũng được nâng lên tầm cao mới.

Trước hết về mặt chính trị-ngoại giao; Sau chuyến thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc của Tổng Bí thư BCH TU

ĐCS Việt Nam Lê Khả Phiêu tháng 2/1999, đã đi đến nhất trí lấy phương châm 16 chữ vàng "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" làm cơ sở chỉ đạo cho quan hệ Việt-Trung trong giai đoạn mới. Với xu hướng này, vào tháng 12-1999, hai nước tiến hành ký "Hiệp định Biên giới trên đất liền"; Tiếp đến tháng 12-2000, nhân chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Chủ tịch Trần Đức Lương, hai nước ra Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện, cụ thể hoá phương châm 16 chữ vàng thành những phương hướng cụ thể. Đặc biệt, trong chuyến thăm này, đã ký 2 Hiệp định mang tính lịch sử là "Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền khu kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc bộ" và "Hiệp định hợp tác nghề cá ở vịnh Bắc bộ". Đến tháng 12-2001, hai nước đã tiến hành lễ cắm cột mốc biên giới đầu tiên trên đất liền tại Móng Cái và Đông Hưng, chính thức bắt đầu công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới trên đất liền. Ngoài các cuộc viếng thăm cấp cao và những ký kết mạng tính pháp lý trên, hai nước thường xuyên trao đổi đoàn các ngành, đoàn thể từ trung ương cho đến địa phương. Đặc biệt những năm gần đây, chính quyền, đoàn thể và nhân dân 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc và các tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam thường xuyên tổ chức các kỳ hội chợ, gặp gỡ giao lưu cùng nhau trao đổi, thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác.

Về hợp tác kinh tế-thương mại, khoa học và kỹ thuật; Từ đầu những năm 90, giữa Việt Nam và Trung Quốc đã ký

hàng loạt các Hiệp định về hợp tác kinh tế-thương mại, khoa học và kỹ thuật. Nếu như thương mại hai chiều Việt Nam-Trung Quốc giữa những năm 90 đạt mức trên dưới 1 tỷ USD, thì con số đó tăng lên xấp xỉ 2,5 tỷ và đạt gần 4,9 tỷ USD năm 2003. Theo nhiều đánh giá khác nhau, thương mại Việt-Trung năm 2005 có thể đạt khoảng 6 tỷ USD, vượt mức kế hoạch mà lãnh đạo hai nước đặt ra cách đây 2 năm (theo kế hoạch đến năm 2005 đạt 5 tỷ và đến 2010 đạt 10 tỷ). Tuy mức nhập siêu của Việt Nam có giảm hơn những năm 90, nhưng vẫn ở mức cao (năm 2003 tỷ lệ khoảng 40/60, xuất là 1,74 tỷ và nhập là 3,15 tỷ). Điều này là ngược lại với 6 nước ASEAN ban đầu. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng nhiên liệu, nông nghiệp sơ chế, nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho sản xuất, các máy móc thiết bị v.v. Hiện nay không chỉ các sản phẩm công nghiệp nhẹ Trung Quốc chiếm thị phần lớn tại Việt Nam, mà còn cả những mặt hàng có hàm lượng kỹ thuật cao như cơ khí, điện tử cũng đang phát triển mạnh.

Về lĩnh vực đầu tư, nếu như giữa những năm 90, vốn đầu tư của Trung Quốc tại Việt Nam chỉ mới đạt khoảng 60 triệu USD, thì con số đó lên tới 132 triệu và đến đầu thế kỷ XXI tăng hơn gấp đôi, đạt tới 614 triệu với 310 dự án vào cuối năm 2004 (con số tính đến tháng 11-2004). Tính đến thời điểm này, Trung Quốc vươn lên, đứng thứ 15 trong số 68 nước, vùng lãnh thổ đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Nếu so với các nước khác trong khu vực, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam thường là quy mô nhỏ, tập trung vào các ngành công

nghiệp, và mới chỉ chiếm tỷ lệ khiêm tốn, khoảng 1,3% trong tổng 45,5 tỷ USD FDI của Việt Nam⁽⁸⁾.

Một trong những biểu hiện cụ thể của hợp tác hữu nghị Việt-Trung là Trung Quốc đã tái giúp đỡ Việt Nam về mặt tài chính và kỹ thuật cho việc sửa chữa và nâng cấp nhiều nhà máy trước đây do Trung Quốc xây dựng như khu gang thép Thái Nguyên và nhà máy phân đạm Hà Bắc. Ngoài ra, Trung Quốc còn tham gia đấu thầu, xây dựng nhiều hạng mục công trình cơ sở tại Việt Nam như nâng cấp quốc lộ 1, xây dựng sân vận động Mỹ Đình v.v. Về phía Việt Nam, những năm gần đây cũng có nhiều nhà doanh nghiệp lớn sang Trung Quốc tìm hiểu môi trường đầu tư, ký kết liên doanh, liên kết. Ví dụ như tại Hội chợ Thương mại ASEAN-Trung Quốc tổ chức tại Nam Ninh tháng 11-2004, Công ty Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (Biti's) Việt Nam và Tập đoàn Xây dựng hải ngoại Quảng Đông-Trung Quốc đã ký hợp tác về việc thành lập Công ty liên doanh TNHH Tư vấn thiết kế và Xây dựng Việt-Trung.

Do sự phát triển nhanh chóng của Trung Quốc và quan hệ Việt-Trung không ngừng được cải thiện, thập niên gần đây, hàng năm có hàng trăm học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam và Trung Quốc được gửi đến các trường của hai nước để học tập. Đặc biệt số người học tiếng Trung và tiếng Việt gia tăng với tỷ lệ lớn. Ngoài ra, số khách du lịch là công dân của hai nước đến với nhau ngày một nhiều. Người dân có thể dễ dàng đi qua biên giới một cách thuận tiện nhất.

Điều cần nhấn mạnh là ảnh hưởng của sự hình thành CAFTA và hợp tác tiểu vùng đến quan hệ Việt-Trung có khả năng là rất lớn. Trước hết, việc Trung Quốc đưa ra "chương trình thu hoạch sớm", cam kết giảm thuế xuống còn 0%, bắt đầu thực hiện từ tháng 1-2004 đối với các mặt hàng nông sản và tháng 1-2005 đối với các mặt hàng công nghiệp đã tạo điều kiện cho hàng hoá các nước ASEAN dễ dàng thâm nhập hơn vào thị trường Trung Quốc, trước hết là đối với 6 thành viên ASEAN ban đầu. Với vị trí tiếp giáp trực tiếp với Trung Quốc cả đất liền lẫn đường biển, CAFTA có thể sẽ mang lại cho Việt Nam một thị trường lớn để xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm thuỷ sản; giúp các nước có liên quan nâng cao khả năng cạnh tranh của mình, thúc đẩy đầu tư và hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Trung Quốc và các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam. Kể từ 2002, tuy Việt Nam chưa gia nhập WTO, nhưng đã được Trung Quốc cho hưởng chế độ đãi ngộ tối huệ quốc. Hàng hoá xuất khẩu từ Việt Nam vào Trung Quốc được hưởng thuế ưu đãi với thuế suất trung bình giảm 25% so với trước đây. Hai nước có thể khai thác lợi thế địa lý là gần cảng biển của nhau để cung cấp dịch vụ vận tải quá cảnh cho các vùng lãnh thổ nội địa sâu của Trung Quốc và đến các nước ASEAN khác. Bên cạnh đó hai nước có cùng nhau mở, khai thác và phát triển thị trường du lịch, các dịch vụ khác, trong đó có dịch vụ tài chính-ngân hàng. Những số liệu về tăng trưởng thương mại và đầu tư như vừa kể trên là minh chứng rõ nét.

Tuy nhiên, do khả năng cạnh tranh của Việt Nam thấp hơn Trung Quốc (chỉ số xếp năng lực cạnh tranh của Trung Quốc năm 2002 đứng thứ 38, năm 2003 đứng thứ 44 và năm 2004 đứng thứ 46,; Còn của Việt Nam theo số tương ứng là 65, 60, 70), mẫu mã và chủng loại hàng còn đơn giản, tương đối nghèo nàn cùng với ưu thế thành viên WTO của Trung Quốc (từ 2005, Trung Quốc sẽ được hưởng ưu đãi về thuế quan, hạn ngạch xuất khẩu, nhất là tại thị trường Mỹ-Âu và Nhật Bản), thì mặt hàng cùng chủng loại của Việt Nam sẽ khó cạnh tranh với hàng hoá của Trung Quốc ở khắp mọi nơi.

Tiếp theo tác động của các chương trình hợp tác tiểu vùng, dự án phát triển các trục Hành lang lưu thông hàng hoá như hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng, Hành lang kinh tế Đông Tây, Hành lang Đường xuyên Á, Hành lang kinh tế phía Bắc, Tam giác phát triển Campuchia-Lào-Việt Nam v.v. Trong số này có ý nghĩa hơn cả đối với quan hệ Việt-Trung là hành lang thông thương Côn Minh-Hà Nội-Hải Phòng, Hành lang lưu thông Nam Ninh- Hà Nội-Hải Phòng và Vòng kinh tế khép kín Vịnh Bắc Bộ gồm các tỉnh Đông Bắc Việt Nam, tỉnh Quảng Tây và đặc khu Hồng Công của Trung Quốc. Từ khi có cam kết xây dựng CAFTA, quan hệ thương mại, đầu tư của hai hành lang lưu thông và vòng kinh tế vịnh Bắc Bộ này trở nên sôi động. Tại Thị xã Lào Cai và Thị trấn Hà Khẩu từ 2003 luân phiên nhau tổ chức Hội chợ Thương Mại. Tại thủ phủ Nam Ninh của tỉnh Quảng Tây tháng 11 vừa qua (2004) đã tổ chức

thành công Hội chợ Thương mại Trung Quốc-ASEAN. Sau nước chủ nhà, Việt Nam với "đội quân" trên 300 doanh nghiệp, đứng thứ hai trong số lượng các doanh nghiệp tham gia⁽⁹⁾. Theo thoả thuận, hàng năm, tại nơi này sẽ diễn ra Hội chợ thương mại Trung Quốc-ASEAN. Các nhà doanh nghiệp không chỉ từ các địa phương của Trung Quốc (hiện nay tại tỉnh Nam Ninh có trên 3000 công ty toàn Trung Quốc đặt đại diện), các nước ASEAN, mà còn từ các nước Đông Bắc Á, Nam Á và trên toàn thế giới. Từ Lào Cai qua Hà khẩu, Việt Nam có thể tiếp cận với vùng Tây Nam của Trung Quốc, Bắc nước Lào (từ Hà Khẩu nối tiếp với đường 7), đến Bắc Thái Lan và có thể xuyên đất nước Mianma ra tận cảng Rangoon của Ấn Độ Dương; Và từ Hà Nội, Hải Phòng hay Quảng Ninh có thể dễ dàng tiếp cận thị trường các tỉnh Đông Nam Trung Quốc và xa hơn nữa cả Nhật Bản và Hàn Quốc. Rõ ràng, thông qua các hành lang kinh tế trên, những cơ hội mới đã và đang mở ra cho các nhà doanh nghiệp hai nước. Điều này được chứng minh bằng việc gia tăng hợp tác kinh tế giữa hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc đối với Việt Nam, đặc biệt là các tỉnh phía Bắc. Tính đến tháng 10-2004, tỉnh Quảng Tây đứng đầu trong các tỉnh thành của Trung Quốc có vốn đầu tư lớn nhất tại Việt Nam với 160 dự án và số vốn đăng ký là 260 triệu USD. Đối với Vân Nam, năm 2003, Việt Nam đứng thứ 3 trong 93 đối tác mậu dịch chủ yếu của tỉnh này, với kim ngạch xuất nhập khẩu là 280 triệu. Đến cuối năm 2004, giá trị xuất nhập khẩu quốc

tế qua cửa khẩu Lào Cai-Hà Khẩu tăng khoảng 30-40% so với năm 2003, ước đạt 350 triệu USD. Số người xuất nhập cảnh qua cửa khẩu này năm 2003 đạt 1,4 triệu, gấp 3 lần năm 2000. Năm 2004 ước đạt trên 1.5 triệu người⁽¹⁰⁾. Rõ ràng sự đổi mới và năng động của hợp tác biên giới Việt-Trung trong thời gian qua không chỉ dừng lại ý nghĩa về kinh tế, mà còn tác động sâu sắc về an ninh-chính trị và an toàn xã hội. Các vùng lãnh thổ Tây Nam Trung Quốc và các tỉnh biên giới phía Bắc của Việt Nam đều là những khu vực chậm và kém phát triển. Các dân tộc nơi đây sinh sống xen kẽ cả hai nước, lại có quan hệ gần gũi về huyết thống và văn hoá. Chính vì vậy, sự hợp tác trên đã và đang góp phần củng cố an ninh-quốc phòng, tăng tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc, tạo ra sự phát triển bền vững.

3. Kết luận

Bởi nằm ở vị trí địa-chiến lược, cầu nối đất liền và biển giữa Trung Quốc và các nước Đông Nam Á, lại có quan hệ gần gũi, sâu đậm về lịch sử và văn hoá, nên Việt Nam luôn là đối tượng quan trọng trong chính sách đối ngoại và bang giao của ASEAN và Trung Quốc. Nếu như ở nửa đầu những năm 90, tác động của hợp tác ASEAN-Trung Quốc đến cải thiện quan hệ Việt-Trung còn khiêm tốn, thì sau đó càng mạnh và sâu sắc hơn trên tất cả các lĩnh vực, nhất là từ khi CAFTA được ký kết.

Cụ thể, sự gia tăng hợp tác ASEAN-Trung Quốc làm tăng nhanh thương

mai và đầu tư hai chiều, thúc đẩy hợp tác tiểu vùng sông Mê Công Mở rộng, hợp tác giữa các tỉnh phía Bắc của Việt Nam với hai tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc, tái tạo và làm sống động trở lại hai hành lang lưu thông là Côn Minh-Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh và Nam Ninh-Hà Nội. Thêm vào đó, sự cải thiện trên góp phần làm ổn định biên giới đất liền và trên biển, hạn chế sự bùng nổ về tranh chấp chủ quyền, vốn dĩ tồn tại dai dẳng trong lịch sử giữa hai nước.

Đáp lại, quan hệ Việt-Trung được cải thiện trong thời gian qua đã và đang đóng góp phần to lớn, làm cho ASEAN và Trung Quốc xích lại gần nhau, hiểu biết và hợp tác nhiều hơn. Đây là một đóng góp cần được ghi nhận.

Để thúc đẩy hơn nữa hợp tác giữa hai nước, đặc biệt là khu vực biên giới, tạo dựng "cái cầu nối" hoà bình và phát triển giữa Trung Quốc và Đông Nam Á, một hình ảnh tích cực của CAFTA, hai nước nên tạo dựng thêm những khuôn khổ pháp lý, ưu tiên cho các tỉnh biên giới có những cơ chế, chính sách đặc thù theo hướng lập nên khu kinh tế mở, hay mật dịch tự do giữa các tỉnh biên giới. Tiếp tục gắng sức cải thiện cơ sở hạ tầng, tăng cường hợp tác, giao lưu giữa các bộ ngành, đoàn thể, kể cả các trường đại học và cơ quan nghiên cứu, thúc đẩy ngoại giao nhân dân phát triển trên tinh thần tôn trọng độc lập chủ quyền, cùng có lợi. Với tiềm năng hợp tác lớn, hy vọng quan hệ Việt-Trung tiếp tục đơm hoa, kết trái, đóng góp tích cực vào

hoà bình và thịnh vượng của Cộng đồng ASEAN và Cộng đồng Đông Á.

CHÚ THÍCH

1. Trung Quốc giống như hầu hết các nước trong phe XHCN khác coi sự ra đời của ASEAN vào năm 1967 đại loại như là một tổ chức quân sự trá hình. Thế nhưng, từ sau cuộc gặp lịch sử cấp cao Trung-Mỹ tại Thượng Hải năm 1972, nhất là sau thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975, đặc biệt sau sự hình thành Liên minh Xô-Việt (1978) Trung Quốc bắt đầu nhìn nhận khác đi về ASEAN. Từ thời gian này các nước ASEAN đã công khai ủng hộ lập trường của Trung Quốc, chống lại Việt Nam trên mọi phương diện.
2. Xem: David Wurfel. *Between China and ASEAN: The Dialectics of Recent Vietnamese Foreign Policy/ Vietnamese Foreign Policy in Transition* (Ed. By Carlyle A. Thayer, Ramses Amer).- Singapore: ISEAS, 1999, pp. 148-169; Trần Khánh. *Người Hoa trong quan hệ ASEAN-Trung Quốc*// Nghiên cứu Trung Quốc, số 6 (58), 2004, tr. 39-49.
3. Trong thời gian khủng hoảng tài chính-tiền tệ, Trung Quốc đã cho nhiều nước vay vốn như cung cấp tín dụng trực tiếp cho Thái Lan 1 tỷ USD và vận động Quỹ tiền tệ quốc tế cho nước này vay thêm 4 tỷ đôla nữa trong những năm 1997-2000.
4. Xem thêm: Trần Khánh. *Sự tiến triển trong quan hệ ASEAN-Trung*

- Quốc*//Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 (65), 2004, tr. 28-34; Jiirgen Haacke. *Seekinh Influence: China's Diplomacy Toward ASEAN after the Asian Crisis*// Asian Perspective (Special Issue on China-ASEAN Relations). Vol. 26, No. 4-2002, pp. 13-45.
5. "Chương trình thu hoạch sớm" được thoả thuận tại Bali giữa Trung Quốc và ASEAN hồi tháng 10-2003, theo đó thuế suất sẽ giảm xuống còn 0% trong vòng 3 năm tới đối với ASEAN 6, và bắt đầu được thực hiện từ 1-1-2004 chủ yếu đối với hàng nông sản và từ 1-1-2005 đối với hàng công nghiệp chế tác. (Xem thêm: Thitapha Wattanapruttipaisan. *ASEAN-China Free Trade Area: Advantages, Challenges, and Implications for the Newer ASEAN member Countries*//ASEAN Economic Bulletin. Vol. 20, No.1, April 2003, 33; Trần Khánh. *Quan hệ Trung Quốc-Đông Nam Á và sự hình thành khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN*/Trung Quốc 25 năm cải cách-mở cửa; Những vấn đề lý luận và thực tiễn.- H.,KHXH, 2004, tr.708-710.
 6. Ngày 30 tháng 4-2004, Trung Quốc và các nước ASEAN đã ký Hiệp định vận chuyển hàng hoá và khách du lịch trên sông Mê Công; Đồng thời Trung Quốc lập ra Ủy ban liên ngành chăm lo về vấn đề này. Ngày 12 tháng 5-2004, Trung Quốc thông báo quyết định cấp vốn cho việc nâng cấp đường sông Mê Công đoạn Trung Quốc, Lào, Mianma, Thái Lan. Tại Viên Chăn-Lào ngày 16-12-2004, các Bộ trưởng của 6 nước dọc sông Mê Công đã tái khẳng định tăng cường hợp tác tiểu vùng, đã ký 4 văn kiện liên quan đến vận chuyển hàng hoá, du lịch, nhằm từng bước tự do hoá khu vực này.
 7. Xem thêm: Tran Ngoc Ha. "*China: VN's Long-term Potential Partner*" Vietnam Economic New, No. 15-2003, p. 6. Ramses Amer. *Assessing Sino-Vietnamese Relations through the Management of Contentious Issues*// Contemporary Southeast Asia, Vol. 26, No.2, pp.320-345;
 8. Xem: Báo Đầu tư, ngày 10-11-2004, tr.6; Thời Báo Kinh tế, ngày 21-12-2004, tr.6
 9. Chỉ trong cuộc Hội chợ này các hiệp đồng đã ký kết đạt tới con số 5 tỷ USD. Diễn đàn Kinh doanh Việt Nam-Trung Quốc diễn ra tại hội chợ này đã trực tiếp gặp gỡ với khoảng 80 doanh nghiệp Việt Nam có hàng trưng bày tại Hội chợ. Công ty Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tien (Biti's) Việt Nam đã ký với Tập đoàn Xây dựng Hải ngoại Quảng đông-Trung Quốc thành lập Công ty liên doanh THHH Tư vấn thiết kế và Xây dựng Việt-Trung.
 10. Báo "Đầu tư nước ngoài" ra thứ Tư, ngày 10 tháng 11 năm 2004, tr. 6; Tài liệu của Diễn đàn Kinh tế và Đầu tư "*Hợp Tác xây dựng, khai thác Hành lang Kinh tế Côn Minh-Lào Cai-Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh*" tổ chức tại Hà Khẩu Trung Quốc ngày 28-11-2004.